

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG**
Số: 36/2025/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG, TP.ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

+ Ông Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/02/1997; Số căn cước công dân: 048097007557; Địa chỉ thường trú: Tổ D, phường H, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: 142/19 đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 16/01/2000; Số căn cước công dân: 048300002882; Địa chỉ thường trú: tổ F, phường H, TP Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: 142/19 đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Nguyễn Hoàng P kết hôn với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP Đà Nẵng cũ, nay là phường H, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2022 ngày 04/4/2022), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại phường H, quận L, TP Đà Nẵng cũ, nay là phường H, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Mặc dù vợ chồng và hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không hòa hợp được. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Lan A đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông P1, bà Lan A đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông P, bà Lan A vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Lan A đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận

được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] *Về con chung*: Ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Lan A thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung tên: Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/9/2022 và Nguyễn Hoàng K1, sinh ngày 17/6/2024. Ly hôn ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Lan A thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho ông Nguyễn Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Lan A cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Hoàng K1 mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) cho mỗi con chung (*02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng 5.000.000 đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng.

Xét thấy ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Lan A đã tự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Lan A.

[3] *Về quan hệ tài sản chung; Nợ chung*: ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Lan A thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[4] *Về lệ phí*: Lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Lan A tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Lan A thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Lan A về việc nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn như sau:

+ Giao 02 con chung tên: Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/9/2022 và Nguyễn Hoàng K1, sinh ngày 17/6/2024 cho ông Nguyễn Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Bà Nguyễn Thị Lan A cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Hoàng K1 mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi con chung (*02 con chung mỗi tháng phải cấp dưỡng 5.000.000 đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng.

+ Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Hoàng P có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Lan A không thực hiện việc cấp dưỡng như đã thỏa thuận thì hàng tháng bà Lan A còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về tài sản chung; Nợ chung:* ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Lan A thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

2. *Về lệ phí Tòa án:* Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Lan A tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông P, bà Lan A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001026 ngày 22/7/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy ông P, bà Lan A đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 4- Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Vân, TP Đà Nẵng
(theo GCNKH số 32/2022 ngày 04/4/2022
Đăng ký tại UBND phường Hòa Hiệp Bắc cũ);
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường